

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8310301
(PHIÊN BẢN DÀNH CHO HỌC VIÊN)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024
NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo (tiếng Việt)	LUẬT KINH TẾ
Tên ngành đào tạo (tiếng Anh)	ECONOMIC LAW
Mã ngành đào tạo	8380107
Trường cấp bằng	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
Tên văn bằng	Bằng Thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
Đơn vị quản lý chương trình đào tạo	Viện Đào tạo sau đại học
Thông tin về chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	
Tổng khối lượng kiến thức	60 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	2 năm
Chuẩn đầu vào	Điều kiện dự tuyển a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT của Trường.

	<p>d) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Trường tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường</p> <p>Yêu cầu về học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển:</p> <p>a) Ngành phù hợp (là ngành đào tạo ở trình độ đại học hoặc trình độ tương đương trở lên): Luật, Luật thương mại, Luật kinh tế, Luật kinh doanh, Luật quốc tế, Luật kinh doanh quốc tế, Luật thương mại quốc tế, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính</p> <p>b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức, bao gồm: Các ngành có mã ngành cấp II thuộc nhóm ngành Kinh doanh và quản lý, Khoa học xã hội và hành vi.</p> <p>- Chứng chỉ bổ sung kiến thức được cấp bởi Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ xem xét và quyết định các môn học mà thí sinh cần phải học bổ sung kiến thức để đáp ứng điều kiện dự tuyển.</p> <p>c) Dự kiến các môn cần phải học bổ sung kiến thức:</p> <table border="1" data-bbox="603 904 1426 1664"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>Mã môn học</th> <th>Tên môn học</th> <th>Số tín chỉ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>LAW1117</td> <td>Luật thuế (Tax Law)</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>LAW1102</td> <td>Luật Hiến pháp Việt Nam (Vietnamese Constitutional Law)</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>LAW1111</td> <td>Luật thương mại (Commercial Law)</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>LAW1172</td> <td>Luật doanh nghiệp (Entities Law)</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>LAW1173</td> <td>Luật dân sự (Civil Law)</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>LAW1174</td> <td>Pháp luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>	T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	1	LAW1117	Luật thuế (Tax Law)	3	2	LAW1102	Luật Hiến pháp Việt Nam (Vietnamese Constitutional Law)	3	3	LAW1111	Luật thương mại (Commercial Law)	3	4	LAW1172	Luật doanh nghiệp (Entities Law)	3	5	LAW1173	Luật dân sự (Civil Law)	3	6	LAW1174	Pháp luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)	3
T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ																										
1	LAW1117	Luật thuế (Tax Law)	3																										
2	LAW1102	Luật Hiến pháp Việt Nam (Vietnamese Constitutional Law)	3																										
3	LAW1111	Luật thương mại (Commercial Law)	3																										
4	LAW1172	Luật doanh nghiệp (Entities Law)	3																										
5	LAW1173	Luật dân sự (Civil Law)	3																										
6	LAW1174	Pháp luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)	3																										
Thang điểm đánh giá và cách thức đánh giá kết quả học tập	Thang điểm 4, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường																												
Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường, các điều kiện chuyên môn bao gồm:																												

	<p>a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.</p>
Vị trí việc làm	<p>Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật kinh tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm nhiều cương vị công việc khác nhau như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương đến địa phương...; các đơn vị lực lượng vũ trang... - Chuyên gia pháp lý đảm nhận các vị trí công tác tại các viện nghiên cứu, trường Đại học, Cao đẳng trên phạm vi toàn quốc. - Làm việc tại các tổ chức liên chính phủ, tổ chức phi chính phủ; luật sư tư vấn/ tranh tụng tại các văn phòng luật sư, công ty luật trong nước và nước ngoài; cố vấn pháp lý cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. - Người học còn có thể trở thành Thẩm phán, thành viên của các cơ quan tài phán như Tòa án, các trung tâm trọng tài Việt Nam và quốc tế...
Khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lĩnh vực chuyên môn liên quan ngành đào tạo; - Có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước
Chương trình đào tạo đã tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật TP.HCM; https://www.hcmulaw.edu.vn/vi/chuong-trinh-dao-tao-534/cac-chuong-trinh-dao-tao-he-sau-dai-hoc (trong nước) - Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM; https://lkt.ucl.edu.vn/cao-hoc2-1407/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-luat-kinh-te (trong nước) - Thạc sĩ ngành Commercial and Corporate Law của Trường Đại học Queen Mary University of London; https://www.qmul.ac.uk/postgraduate/taught/coursefinder/courses/commercial-and-corporate-law-llm/ (quốc tế)

	- Thạc sĩ ngành International Business and Trade của Trường Đại học American University, Washington DC ; https://www.lawprogrammes.co.uk/institutions/american-university/llm-in-international-business-and-trade (quốc tế)
Thời gian thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo	Ngày 16/3/2024

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives)

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Luật Kinh tế theo hướng ứng dụng, đào tạo cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng; trang bị cho người học các kiến thức, phương pháp nghiên cứu, kỹ năng và thái độ ở trình độ chuyên sâu để trở thành nguồn nhân lực bậc cao đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng trong mọi lĩnh vực, từ nghiên cứu đến thực hành luật; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề pháp lý tại các tổ chức của nền kinh tế, phát triển nghề nghiệp trong môi trường biến động, cạnh tranh và hội nhập toàn cầu.

2.2 Mục tiêu cụ thể

PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về pháp luật; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực luật pháp nói chung, luật kinh tế nói riêng và các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng nghiên cứu và thực hành pháp luật chuyên nghiệp để có thể đảm nhiệm công việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các văn phòng luật sư, công ty luật trong và ngoài nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập toàn cầu.

PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)

Nhóm	Chuẩn đầu ra (PLOs)		Trình độ năng lực (*)	Chung/ Chuyên biệt
Kiến thức	PLO1	Phân tích được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu.	4/6	Chung
	PLO2	Lựa chọn phương pháp luận tư duy, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực pháp lý, kinh tế, quản lý, hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	5/6	Chuyên biệt
	PLO3	Đánh giá và giải thích được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, pháp luật kinh doanh, cạnh tranh, đầu tư, sở hữu trí tuệ, tài chính - ngân hàng, giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại và khả năng ứng dụng của nó trong thực tiễn hoạt động pháp lý.	5/6	Chuyên biệt
	PLO4	Phân loại và so sánh được kiến thức liên ngành có liên quan, hướng tới vận dụng được kiến thức xã hội tổng hợp để đánh giá pháp luật trong bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.	4/6	Chuyên biệt
Kỹ năng	PLO5	Phối hợp các kỹ năng tham gia tổ tụng kinh tế, thương mại; tư vấn pháp luật; đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại; giải quyết tranh chấp kinh doanh.	4/5	Chuyên biệt
	PLO6	Lồng ghép các kỹ năng trong thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin dữ liệu, phân biện và lựa chọn hướng giải quyết cho các tình huống pháp lý phát sinh một cách chuyên nghiệp.	4/5	Chuyên biệt
	PLO7	Điều chỉnh kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu pháp luật, thực tiễn đời sống pháp lý; có thể thảo luận chuyên môn với người cùng ngành và những người khác.	4/5	Chuyên biệt
	PLO8	Kết hợp nhiều kỹ năng ngoại ngữ để đạt trình độ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực	4/5	Chung

Nhóm	Chuẩn đầu ra (PLOs)		Trình độ năng lực (*)	Chung/ Chuyên biệt
		chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.		
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Hình thành phẩm chất, ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng.	5/5	Chung
	PLO10	Thể hiện năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đề xuất những sáng kiến quan trọng, dự báo kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	5/5	Chuyên biệt
	PLO11	Chứng minh được năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập, khả năng quản lý nhằm phát huy năng lực tập thể, đồng thời có thể hướng dẫn người khác giải quyết những vấn đề về mặt chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý	5/5	Chuyên biệt
	PLO12	Thể hiện năng lực đánh giá, thực hiện cải tiến các hoạt động thực tiễn thuộc chuyên môn.	5/5	Chuyên biệt

(*) Thang đo trình độ năng lực:

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	Nhớ	Bắt chước	Tiếp nhận
1	Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	Khả năng lặp lại hành vi sau khi được quan sát đầy đủ	Khả năng lắng nghe và ý thức tiếp thu kiến thức
	Hiểu	Thao tác	Đáp ứng
2	Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát, diễn đạt lại kiến thức đã học	Khả năng hoàn thành một kỹ năng theo như chỉ dẫn	Khả năng tham gia tích cực vào quá trình học tập
3	Vận dụng	Làm chuẩn xác	Hình thành giá trị

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề	Khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn một kỹ năng, thường thực hiện độc lập không cần phải hướng dẫn	Khả năng tìm thấy được giá trị của thông tin và đánh giá theo quan điểm riêng
4	Phân tích	Phối hợp	Tổ chức
	Chia kiến thức, thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	Khả năng kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định	Khả năng sử dụng phối hợp kiến thức, niềm tin, giá trị để giải quyết/ lý giải vấn đề
5	Đánh giá	Làm thuần thục	Hình thành phẩm chất
	Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí	Khả năng hoàn thành dễ dàng một hay nhiều kỹ năng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự cố gắng về trí lực và thể lực	Khả năng kiểm soát đầu ra và ứng xử dựa trên hệ thống giá trị riêng
6	Sáng tạo	-	-
	Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	-	-

4. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X	X	X	X								
PO2					X	X	X	X				
PO3									X	X	X	X

5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *												
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	Λ1	Λ2	Λ3	Λ4	
PLO1	X												
PLO2			X										
PLO3	X												
PLO4		X											
PLO5				X		X	X						
PLO6				X		X	X						
PLO7					X								
PLO8								X					
PLO9									X	X	X	X	
PLO10									X		X	X	
PLO11									X	X	X		
PLO12													X

* Mô tả bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
Kiến thức (K)	
K1	Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
K2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
K3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
Kỹ năng (S)	
S1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
S2	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
S3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
S4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
S5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm (A)	
A1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
A2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
A3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
A4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF *										
	M1	M2	M3	V1	V2	C1	C2	C3	C4	P1	P2
PLO1	X	X		X	X	X				X	X
PLO2	X	X		X	X	X	X			X	X
PLO3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO5	X	X	X	X	X	X			X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO7	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO8	X	X	X	X	X	X		X		X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO10	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO11	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO12	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

* Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF:

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
Sứ mạng (M)	
M1	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu
M2	Xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo
M3	Phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng
Tầm nhìn (V)	
V1	Trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực
V2	Là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội
Giá trị cốt lõi (C)	
C1	Xuất sắc: Cung cấp chương trình và dịch vụ đào tạo xuất sắc
C2	Sáng tạo: Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, phát triển ý tưởng khởi nghiệp
C3	Hội nhập: Hợp tác và hội nhập quốc tế toàn diện
C4	Phát triển: Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng mọi hoạt động của Trường
Triết lý giáo dục (P)	
P1	Giáo dục toàn diện Giáo dục người học phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có khả năng thích nghi với sự biến đổi của thế giới
P2	Học tập suốt đời Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, tiên tiến; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu đa dạng nhằm hình thành, rèn luyện và thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời cho người học

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
I.	Kiến thức chung	4	4	-	6,7%
1.1	Triết học	4	4	-	
II.	Kiến thức ngành	41	26	15	68,3%
2.1	Nghiên cứu khoa học	5	5	-	

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
2.2	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</i>	36	21	15	
III.	Kiến thức tốt nghiệp	15	15	-	25,0 %
3.1	<i>Chuyên đề thực tế</i>	6	6	-	
3.2	<i>Đề án tốt nghiệp</i>	9	9	-	
	Tổng cộng	60	45 (75%)	15 (25%)	

Tổng khối lượng kiến thức của CTĐT: **60** tín chỉ

2. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
I. Kiến thức chung						4						
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4	4					
II. Kiến thức ngành						41						
II.1. Nghiên cứu khoa học						5						
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Science Research Methods	BB		3	3					
2.2	LAW6121	Chuyên đề nghiên cứu Luật Kinh tế	Research Project in Economic Law	BB		2	2					
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành						36						
2.3	LAW6103	Pháp luật về tài sản	Property Law	BB		3	3					
2.4	LAW6104	Pháp luật về công ty	Company Law	BB		3	3					
2.5	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	BB		3	3					
2.6	LAW6106	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	BB		3	3					
2.7	LAW6107	Pháp luật về thương mại	Commercial Law	BB		3	3					
2.8	LAW6108	Pháp luật về thuế	Tax Law	BB		3	3					
2.9	LAW6115	Pháp luật về đầu tư	Investment Law	BB		3	3					
		<i>Chọn 5/10 học phần sau</i>				<i>15</i>						

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
2.10	LAW6109	Pháp luật về thương mại quốc tế	International Commercial Law	TC		3	3					
2.11	LAW6110	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Law on Procurement and Property Auction	TC		3	3					
2.12	LAW6111	Pháp luật về môi trường	Environmental Law	TC		3	3					
2.13	LAW6112	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Real Estate Business Law	TC		3	3					
2.14	LAW6113	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	Law on Protection of Consumers' Rights and Product Liability	TC		3	3					
2.15	LAW6114	Pháp luật Hợp đồng thương mại quốc tế	International Commercial Contract Law	TC		3	3					
2.16	LAW6116	Pháp luật về các tổ chức tín dụng	Credit Institutions Law	TC		3	3					
2.17	LAW6117	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	Business Dispute Resolution Law	TC		3	3					
2.18	LAW6118	Pháp luật về cạnh tranh	Competition Law	TC		3	3					
2.19	LAW6119	Luật Đất đai	Land Law	TC		3	3					
III. Kiến thức tốt nghiệp						15						
3.1	LAW6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6				X		

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
3.2	LAW6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9				X		
Tổng khối lượng kiến thức						60						

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế

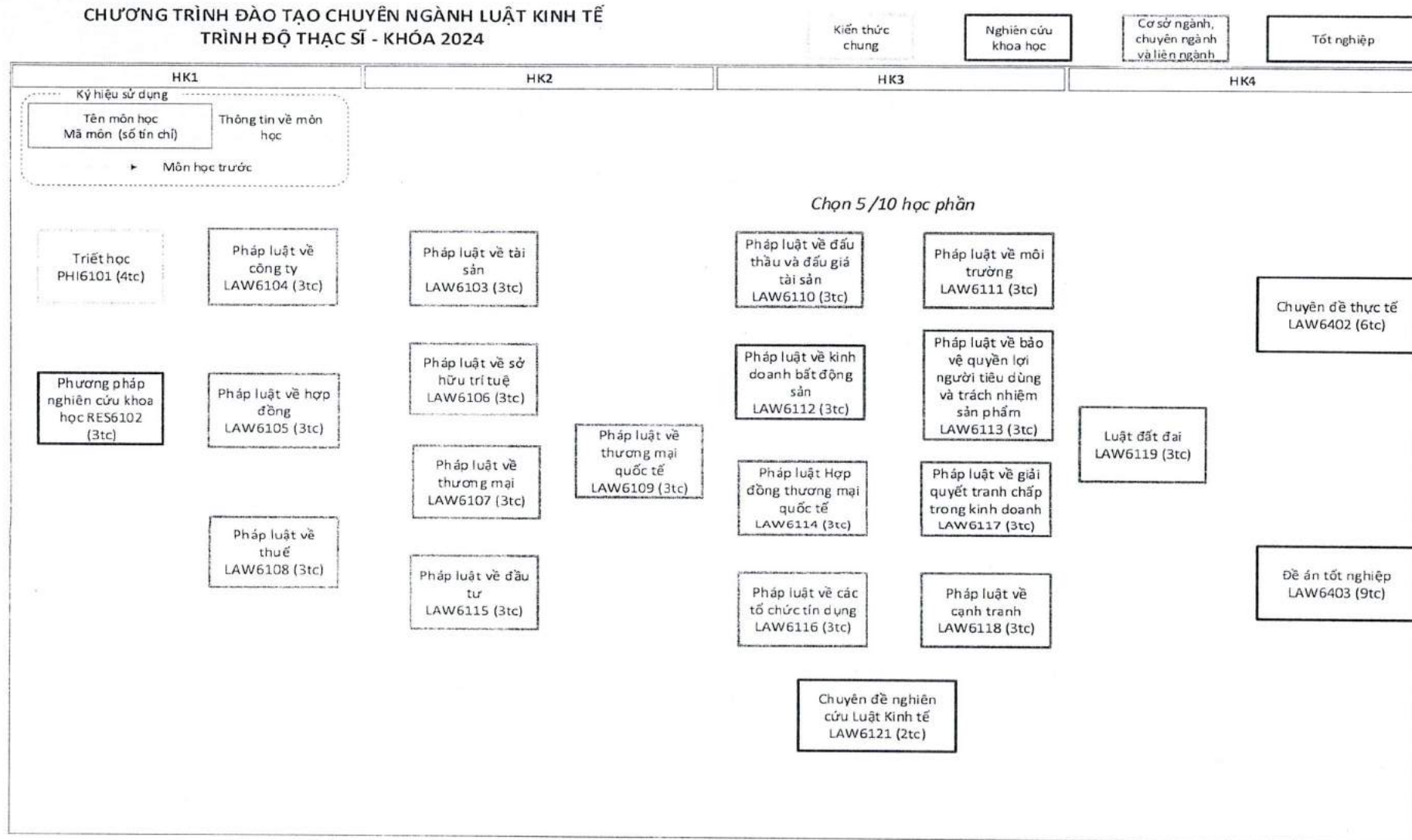
3. Kế hoạch dạy học toàn khóa

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Học kỳ 1														
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	60				90	V.ĐTSDH
2	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Science Research Methods	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
3	LAW6104	Pháp luật về công ty	Company Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
4	LAW6101	Pháp luật về hợp đồng	Contract Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
5	LAW6108	Pháp luật về thuế	Tax Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
		Cộng					16	240	240				330	
Học kỳ 2														
6	LAW6103	Pháp luật về tài sản	Property Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	T H	ĐA	TT		
7	LAW6106	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
8	LAW6107	Pháp luật về thương mại	Commercial Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
9	LAW6115	Pháp luật về đầu tư	Investment Law	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
	<i>Chọn 5/10 học phần tự chọn</i>							45	45				60	V.ĐTSDH
10	LAW6109	Pháp luật về thương mại quốc tế	International Commercial Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
		Cộng					15	225	225				300	
	Học kỳ 3													
11	LAW6110	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Law on Procurement and Property Auction	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
12	LAW6111	Pháp luật về môi trường	Environmental Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
13	LAW6112	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Real Estate Business Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
14	LAW6113	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Law on Protection of Consumers'	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	T H	ĐA	TT		
		và trách nhiệm sản phẩm	Rights and Product Liability											
15	LAW6114	Pháp luật Hợp đồng thương mại quốc tế	International Commercial Contract Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
16	LAW6116	Pháp luật về các tổ chức tín dụng	Credit Institutions Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
17	LAW6117	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	Business Dispute Resolution Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
18	LAW6118	Pháp luật về cạnh tranh	Competition Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
19	LAW6119	Luật Đất đai	Land Law	TC			3	45	45				60	V.ĐTSDH
20	LAW6121	Chuyên đề nghiên cứu Luật Kinh tế	Research Project in Economic Law	BB			2	30	30				40	V.ĐTSDH
		Cộng					14	210	210				280	
	Học kỳ 4													
19	BUS6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB			6				X			V.ĐTSDH
20	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB			9				X			V.ĐTSDH
		Cộng					15							

4. Sơ đồ tiến trình đào tạo



5. Phương pháp giảng dạy

5.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407/HĐ-UEH ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

5.2 Các phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
I	Dạy học trực tiếp
TLM1	Thuyết giảng (Lecture)
TLM2	Khách mời thuyết giảng (Guest Lecture)
TLM3	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
II	Dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm
TLM4	Trò chơi (Games)
TLM5	Thực hành (Practice)
TLM6	Thực tập, trải nghiệm thực tế (Field Trip)
TLM7	Tranh luận (Debates)
TLM8	Mô hình (Models)
TLM9	Dạy học theo dự án (Project-based Learning)
TLM10	Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)
III	Dạy kỹ năng tư duy
TLM11	Học theo vấn đề (Problem-based Learning)
TLM12	Học theo tình huống (Case Study)
TLM13	Tập kích não (Brain Storming)
TLM14	Sơ đồ tư duy (Mind Map)
IV	Dạy học tương tác
TLM15	Học nhóm (Teamwork Learning)
TLM16	Thảo luận nhóm/ Seminar (Group Discussion)

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
TLM17	Chia sẻ nhóm đôi (Think - Pair - Share (TPS))
TLM18	Các mảnh ghép (Jigsaw)
TLM19	Đóng vai (Role Play)
V	Dạy học dựa vào công nghệ
TLM20	Học trực tuyến (E-Learning)
TLM21	Học kết hợp (Blended Learning)
TLM22	Học tập đảo ngược (Flipped Learning)
VI	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy
TLM23	Nghiên cứu độc lập (Independent Research)
TLM24	Dự án nghiên cứu (Research Project)
TLM25	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)
TLM26	Trợ giảng và hỗ trợ học thuật (Teaching Assistance and Academic Support)
VII	Tự học
TLM27	Bài tập ở nhà (Work Assignment)
TLM28	Hoạt động thực hành ngôn ngữ ngoài giờ học (Out of Class Learning Activities)

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

6.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407 /HD-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

6.2 Các phương pháp đánh giá

Mã	Phương pháp đánh giá	Đánh giá chẩn đoán (Diagnostic Assessment)	Đánh giá quá trình (Formative Assessment)	Đánh giá cuối kỳ (Summative Assessment)
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)		X	
AM2	Bài tập (Work Assignment)		X	
AM3	Thuyết trình (Presentation)		X	
AM4	Câu hỏi trắc nghiệm (Quiz Questions: Fill-in-the-blank, Multiple Choice, True or False, Matching,...)	X	X	X
AM5	Kiểm tra viết (Written Test)	X	X	X
AM6	Kiểm tra vấn đáp (Oral Exam)			X
AM7	Tiểu luận (Essay)			X
AM8	Báo cáo (Written Report)			X
AM9	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)		X	
AM10	Thực hành (Practice)		X	X
AM11	Đánh giá bằng dự án (Project-based Assessment)		X	X
AM12	Hồ sơ học tập (Portfolio Assessment)		X	X
AM13	Chuyên đề/ Khóa luận tốt nghiệp (Practical Seminar/ Minor Thesis)			X

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức chung				
1.1	PHI6101	Triết học	4	<p>Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng:</p> <p>Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
II. Kiến thức ngành				
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	<p>Học phần trang bị cho học viên các phương pháp phân tích luật với các nội dung chính, gồm: (i) khái niệm, vai trò và hạn chế của luật viết; (ii) đối tượng và vai trò của hoạt động phân tích luật viết; (iii) các phương pháp phân tích luật viết.</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến học viên phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học luật gồm các nội dung như: (i) khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, phân loại công trình nghiên cứu luật; (ii) cách xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu; (iii) cách thức thực hiện và hoàn thành công trình nghiên cứu khoa học luật.
2.2	LAW6102	Chuyên đề nghiên cứu Luật Kinh tế	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương chi tiết của luận văn thạc sĩ. Đồng thời, học phần cũng giúp người người nâng cao ý thức chấp hành nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Nhà trường và Khoa đào tạo chuyên môn.
2.3	LAW6103	Pháp luật về tài sản	3	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về các chế định sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và quyền thừa kế. Đồng thời, học phần giúp học viên hiểu được chế định về tài sản và quyền sở hữu là chế định trung tâm không những của luật dân sự mà của cả hệ thống pháp luật nói chung. Bất kỳ sự thay đổi nào của chế định về tài sản và quyền sở hữu sẽ dẫn đến các thay đổi tương ứng trong các quy định của các ngành luật khác. Qua đó, học viên có thể giải quyết những tình huống, quan hệ dân sự trong thực tế.
2.4	LAW6104	Pháp luật về công ty	3	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là kiểm soát quản trị (corporate governance).

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<p>Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng nghiên cứu pháp luật về công ty; như: phân tích bản án liên quan đến các tranh chấp trong hoạt động công ty.</p> <p>Ngoài ra, học phần cũng đề cao tính nguyên gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo.</p>
2.5	LAW6101	Luật Hợp đồng	3	<p>Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về pháp luật hợp đồng; gồm: (i) những quy định chung về nghĩa vụ và hợp đồng; (ii) các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; (iii) các quy định về trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng và (iv) quy định pháp luật về một số hợp đồng thông dụng.</p>
2.6	LAW6106	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	<p>Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về pháp luật sở hữu trí tuệ; gồm: (i) đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ; (ii) đối tượng của sở hữu trí tuệ; (iii) xác lập quyền; (iv) thời hạn bảo hộ; (v) quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ.</p> <p>Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên kiến thức pháp luật chuyên sâu về các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ; như: (i) quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; (ii) quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp; (iii) nhãn hiệu hàng hóa; (iv) thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; (v) chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh.</p> <p>Qua đó, học phần giúp học viên có thể ra cơ chế bảo hộ hữu hiệu đối với từng đối tượng cụ thể.</p>
2.7	LAW6107	Pháp luật về thương mại	3	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý luận và pháp luật cơ bản về hoạt động</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<p>thương mại và dịch vụ, cũng như địa vị pháp lý của thương nhân.</p> <p>Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho học viên kiến thức pháp luật chuyên sâu về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.</p>
2.8	LAW6108	Pháp luật về thuế	3	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về pháp luật thuế; như: (i) tại sao lại phải có thuế; (ii) quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và (iii) đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...</p> <p>Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.</p>
2.9	LAW6109	Pháp luật về thương mại quốc tế	3	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế, nâng cao so với môn Luật Thương mại quốc tế ở Chương trình đào tạo Cử nhân Luật; gồm: (i) kiến thức cơ bản về quan hệ thương mại quốc tế; (ii) cơ sở pháp lý của hoạt động thương mại quốc tế; (iii) giá trị pháp lý và ảnh hưởng của các Hiệp định thương mại tự do truyền thống và hiện đại; (iv) thuận lợi và thách thức của Việt Nam trong đàm phán và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.</p> <p>Đồng thời, học phần trang bị cho học viên những kỹ năng cần thiết để học viên có thể phân</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tích, đánh giá, bình luận, tư vấn được các vụ việc, các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể luật quốc tế trong hoạt động thương mại quốc tế.
2.10	LAW6110	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực luật kinh tế để học viên nắm bắt được bản chất của hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan sử dụng nguồn lực nhà nước trong đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong hợp tác công tư; bản chất và hình thức của phương thức mua bán tài sản đấu giá, đặc biệt là đấu giá bắt buộc. Đồng thời, Học phần góp phần trang bị và phát triển học viên kỹ năng ứng dụng khi tham gia vào các hoạt động liên quan đấu thầu và đấu giá (trong đó có việc lập kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng hợp tác công tư, tổ chức các hoạt động đấu giá bắt buộc); khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đấu thầu, đấu giá.
2.11	LAW6111	Pháp luật về môi trường	3	Học phần giới thiệu các kiến thức về môi trường bao gồm các quan điểm, các học thuyết của khoa học pháp lí, khoa học kinh tế có liên quan đến môi trường, các quy định của pháp luật về môi trường. Những nội dung chính của môn học bao gồm: (i) tổng quan pháp luật môi trường: yêu cầu của bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, các nguyên tắc của luật môi trường.... (ii) pháp luật về tài nguyên thiên nhiên: chế độ sở hữu, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; (iii) pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường: Nghĩa vụ bảo vệ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<ul style="list-style-type: none"> Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần *	Số tín chỉ	Yêu cầu về cơ sở vật chất (Phòng thực hành, trang thiết bị, phương tiện dạy học, phần mềm...)	Học kỳ đào tạo
1					

* Chỉ ghi những học phần có yêu cầu đặc biệt về cơ sở vật chất.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng ứng dụng như học phần “Chuyên đề thực tế”.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo sau đại học và các Trường ngành đào tạo sau đại học.

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ trường ngành sau đại học, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được Trường ngành sau đại học gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.



HIỆU TRƯỞNG *fr*

Nguyễn Thanh Giang